

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 17-4-2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Luật;
Bà Lưu Thị Mỹ Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Châu Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Hà Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2019/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc “tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 152/2018/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Quốc K, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh P; địa chỉ tạm trú: Phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Phương A, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: Khu phố 3, phường T, thị xã P, tỉnh P; địa chỉ tạm trú: tổ 3, khu phố C1, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Phạm Thị Phương A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phan Quốc K trình bày: Ông K và bà Phạm Thị Phương A là vợ chồng, đăng ký kết hôn ngày 08/3/2017 tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) phường T, thị xã P, tỉnh P. Sau khi kết hôn, ông K, bà A chung sống với nhau tại địa chỉ số 275/50, tổ 3, khu phố C 1, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Khoảng 06 tháng trước khi kết hôn, ông K và bà A đã chung sống với nhau

như vợ chồng; thời điểm này, cả hai đã xuất hiện những mâu thuẫn nhỏ. Sau khi kết hôn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, mỗi lần cãi vã bà A thường bỏ nhà đi, khi thì đi một vài ngày, khi thì đi cả tuần mới về; hai bên không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau; bà A hay nói xấu, chửi bới gia đình ông K và không có khả năng sinh con.

Nhiều lần ông K, bà A ngồi lại nói chuyện để tháo gỡ mâu thuẫn nhưng đều không có kết quả, hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhưng chỉ làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Khoảng tháng 8/2018, ông K và bà A sống ly thân nhau. Quá trình chung sống, ông K, bà A không có con chung.

Nay, ông K thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông K yêu cầu được ly hôn với bà A. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thị Phương A trình bày: Bà A thống nhất lời trình bày của ông K về thời gian sống chung, kết hôn, con chung. Tuy nhiên, bà A không đồng ý với lời trình bày của ông K về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn. Bà A không nói xấu hay chửi bới gia đình ông K, còn việc chưa sinh con là do sau khi kết hôn ông K thường hay đi làm về khuya, vợ chồng ít gần gũi, ông K không chung thủy có quan hệ với người phụ nữ khác, bà A nhiều lần nhắc nhở nhưng ông K không sửa đổi, không quan tâm, làm tròn trách nhiệm của một người chồng. Kể từ ngày nộp đơn ly hôn, ông K tự ý dọn đồ đạc bỏ nhà đi khi bà A chưa đồng ý. Sau đó, ông K mời hai bên gia đình đến để nói chuyện nhưng trong cuộc nói chuyện phía gia đình ông K không có ý hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ.

Bà A thừa nhận có lần cãi vã, bà A bỏ nhà đi đến nhà bạn gái để ở nhưng ông K không gọi điện, không đi tìm bà A về. Trước yêu cầu ly hôn của ông K, bà A không đồng ý vì mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, có thể hàn gắn được; về tài sản chung, nợ chung: Do bà A không đồng ý ly hôn nên không tranh chấp.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 152/2018/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Phan Quốc K đối với bà Phạm Thị Phương A.

Về hôn nhân: Ông K được ly hôn với bà A.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm ngày 28/12/2018, bị đơn bà Phạm Thị Phương A nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Bị đơn kháng cáo cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, vợ chồng vẫn còn thương yêu nhau nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà A thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau và cũng không qua lại thăm hỏi gia đình hai bên; trong khoảng thời gian ly thân hai bên không có phương án nào để hòa giải đoàn tụ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Phương A được làm và nộp trong thời hạn luật định, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn, vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn; quá trình chung sống vợ chồng không có con chung; về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn không đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì cho rằng vẫn còn tình cảm với chồng, mong muốn vợ chồng đoàn tụ; do không đồng ý ly hôn nên bị đơn không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung.

[3] Đối chiếu lời trình bày của các đương sự và chứng cứ thu thập có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Ông K và bà A chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 08/3/2017 tại UBND phường T, thị xã P, tỉnh P là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, do hai bên bất đồng về quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau; hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; vợ chồng và gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được; vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 08/2018 đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông K yêu cầu được ly hôn với bà A là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Về con chung: Vợ chồng chưa có con

chung. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết là đúng.

[4] Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới thể hiện vợ chồng có thể đoàn tụ được; trong khi nguyên đơn vẫn cương quyết ly hôn với bị đơn. Do đó, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ để xem xét. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải nộp theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 29 của Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Phương A.
2. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 152/2018/HNGĐ-ST ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.
3. Án phí phúc thẩm: Bà Phạm Thị Phương A phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2016/0033347 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS Tp. T;
- TAND Tp. T;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- UBND phường T, thị xã P, tỉnh P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Gia đình và Người chưa thành niên.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trường